

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17 - 4 - 2024  
V/v ly hôn giữa chị H và anh H1

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H1ỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế B

Ông Phạm Văn Quang

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân H1ện N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện N tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu H1ền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm H, xã H, H1ện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang H1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, H1ện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023, bản tự khai ngày 21/02/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Quang H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, H1ện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng gia đình chồng, cuộc sống vợ chồng chung không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H1 không có lập trường, nghe lời người thân đánh chửi vợ. Tháng 9/2023 chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân không đoàn tụ lại. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H1 được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Quang H1.

Về con chung: Giữa chị và anh H1 có 02 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/11/2020 và Phạm Đức B, sinh ngày 28/5/2022 hiện các con đang ở cùng anh H1. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 02 con, nếu anh H1 không đồng ý chị đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con chị xin nuôi cháu B theo quy định của pháp luật, anh H1 nuôi cháu Ngọc A, chị và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị đang làm công nhân tại công ty giấy Phù Hưng địa chỉ tại xã Hồng Quang, H1ện N thu nhập từ 8-9 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Bị đơn:* Anh Phạm Quang H1 đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với ông Phạm Văn H (bố đẻ của anh H1) thể hiện: Anh Phạm Quang H1 là con trai ông lớn của gia đình ông, có đăng ký kết hôn với chị Phan Thị H người xã Hồng Quang tại UBND xã N vào năm 2020. Sau khi kết hôn anh H1 và chị H sống chung cùng gia đình ông, Anh H1 và chị H có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Phạm Đức B, sinh ngày 28/5/2022, hiện các cháu đang ở với anh H1 và gia đình ông. Quá trình anh H1 và chị H chung sống ông nhận thấy không hạnh phúc, anh chị ít nói, vợ chồng không thấy vui vẻ, thỉnh thoảng có đánh chửi nhau, nguyên nhân như thế nào H H1 không chia sẻ nên ông không biết. Từ ngày 30/8/2023 chị H về nhà đẻ ở cho đến nay không quay về chung sống cùng anh H1, chị H có về lấy tư trang cá nhân gia đình ông cản trở, còn việc chị H trách nhiệm với con như thế nào ông không biết. Hiện anh H1 làm nghề tự do, sáng đi tối về, nay chị H xin ly hôn anh H1 là cH1ện riêng của vợ chồng anh H1 ông không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Phạm Quang H1.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đức B, sinh ngày 28/5/2022. Anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/11/2020, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có trách nhiệm giao lại cháu B cho chị H nuôi dưỡng.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Phạm Quang H1 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ, tại phiên tòa lần thứ 2 anh H1 vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Phạm Quang H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, H1ện N, tỉnh Nam Định vào ngày 23/7/2020 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến đánh chửi nhau, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 không đoàn tụ lại. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với anh H1 được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Phạm Quang H1 biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh H1 không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Quang H1 của chị Phan Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/11/2020 và cháu Phạm Đức B, sinh ngày 28/5/2022 các cháu đang ở với anh H1. Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của đương sự, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, chị H đề nghị Tòa án giải quyết giao mỗi người nuôi 01 con, chị xin được nuôi cháu Phạm Đức B, sinh ngày 28/5/2022 theo quy định (cháu B chưa đủ 36 tháng tuổi), tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc A cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giữa chị và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận ý kiến và nguyện vọng của chị H. Khi vợ chồng ly hôn giao con chung là cháu Phạm Đức B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Ngọc A cho anh H1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh H1 có trách nhiệm giao con chung là Phạm Đức B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh H1 không có ý kiến gì về việc phân chia tài sản chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Phạm Quang H1.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Phạm Đức B, sinh ngày 28/5/2022 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 07/11/2020 cho anh Phạm Quang H1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị H và anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H1 có trách nhiệm giao con chung là Phạm Đức B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chị H và anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0004972, ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự H1ện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND H1ện N;
- Chi cục THADS H1ện N;
- UBND xã N, H1ện N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Ánh**